BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2011/TTLT-BGDĐT-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định các nội dung đánh giá công tác y tế tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điều 3 Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2006/CT-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác y tế trong các trường học;

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế thống nhất quy định các nội dung đánh giá công tác y tế tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, cụ thể như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định các nội dung đánh giá công tác y tế tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: hoạt động y tế trường học; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; kinh phí và hệ thống tổ chức công tác y tế trường học.

2. Thông tư này áp dụng đối với các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là nhà trường), các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích kiểm tra, đánh giá

1. Làm căn cứ cho các cơ quan quản lý giáo dục, y tế và nhà trường đánh giá thực trạng tổ chức, hoạt động y tế trong trường học để xây dựng kế hoạch chỉ đạo và triển khai hàng năm.

2. Bảo đảm sự thống nhất, từng bước chuẩn hóa để thúc đẩy sự phát triển công tác y tế trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của học sinh trong nhà trường.

Chương II
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Việc đánh giá công tác y tế trường học phải căn cứ vào Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định về vệ sinh trường học; Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 01/3/2000 hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học; Quyết định số 73/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

Mục 1
HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Điều 3. Quản lý, chăm sóc sức khỏe cho học sinh

1. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và phân loại sức khỏe học sinh. Có sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe học sinh cho cả cấp học.

2. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định hiện hành. Chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế trong những trường hợp cần thiết.

3. Có cơ chế phối hợp với cơ sở y tế trong việc chăm sóc, điều trị đối với các học sinh mắc bệnh mãn tính.

4. Có thông báo cho cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ của học sinh về tình hình sức khỏe học sinh. Có kế hoạch chăm sóc và điều trị cho học sinh có vấn đề sức khỏe.

Điều 4. Truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh

1. Xây dựng nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe học sinh về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, bệnh tật học đường, sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS, tai nạn thương tích, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế, kỹ năng sống và hành vi lối sống có hại cho sức khỏe.

2. Tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trong buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp hoặc trong các hoạt động ngoài giờ học chính khóa cho học sinh.

3. Có góc tuyên truyền, giáo dục, tư vấn sức khỏe cho học sinh tại phòng y tế của nhà trường.

4. Có bảng tin đăng tải các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh.

5. Có tổ chức các hoạt động hưởng ứng các tháng hành động do ngành giáo dục, ngành y tế và các ban ngành địa phương phát động.

Điều 5. Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm

1. Có kế hoạch triển khai các quy định về vệ sinh phòng chống bệnh truyền nhiễm và phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

2. Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm xảy ra trong trường học với các cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch xảy ra.

Điều 6. Bảo đảm an toàn phòng chống tai nạn, thương tích

1. Thực hiện các quy định về việc bảo đảm an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trong nhà trường.

2. Không có học sinh bị thương tích nặng phải nằm viện do tai nạn, thương tích xảy ra trong nhà trường.

3. Báo cáo tình hình tai nạn thương tích của học sinh theo quy định.

Điều 7. Bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng

1. Có kế hoạch bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng cho học sinh.

2. Nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể phải được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và có giấy chứng nhận đã tham gia.

3. Nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể, nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ, theo dõi người lành mang trùng và được trang bị bảo hộ lao động làm việc theo quy định.

4. Hàng hóa, thực phẩm mua về phải có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm, lưu mẫu theo quy định.

5. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong nhà trường.

Mục 2
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Điều 8. Vệ sinh môi trường học tập

Nhà trường bảo đảm những yêu cầu sau:

1. Ở xa những nơi phát sinh ra khí độc hại, khói, bụi, tiếng ồn. Xa các bến xe, bến tàu, kho xăng dầu, bãi rác, chợ, các trục đường giao thông lớn, chân đồi núi, ven sông, suối, ghềnh hiểm trở có nguy cơ sụt, lở.

2. Bảo đảm có sân chơi, sân tập và cây xanh. Diện tích để trồng cây xanh bảo đảm từ 20% đến 40%; Diện tích để làm sân chơi, sân tập từ 40% đến 50% so với tổng diện tích của nhà trường.

3. Có các dụng cụ thu gom và xử lý rác theo quy định. Có thùng rác hoặc nơi chứa rác tập trung được che chắn. Mỗi phòng học, phòng làm việc phải được làm vệ sinh trước giờ học và có sọt chứa rác.

4. Hệ thống cống, rãnh để dẫn thoát nước mưa, nước thải bảo đảm kín không rò rỉ, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.

5. Bảo đảm đủ số lượng, chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho học sinh, giáo viên trong nhà trường.

6. Giáo viên, cán bộ, công nhân viên, học sinh không hút thuốc lá, thuốc lào trong khuôn viên nhà trường.

Điều 9. Phòng học

1. Bảo đảm thông gió tự nhiên, mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Phòng học có hệ thống thông gió nhân tạo như quạt trần, quạt thông gió treo cao trên mức nguồn sáng.

2. Được chiếu sáng tự nhiên đầy đủ, bảo đảm độ chiếu sáng đồng đều không dưới 100 lux. Riêng phòng học có học sinh khiếm thị thì độ chiếu sáng không dưới 300 lux.

3. Phòng học phải bảo đảm yên tĩnh. Tiếng ồn trong phòng học không được quá 50 đêxiben (dB).

4. Phòng thiết bị, phòng học bộ môn và các phòng chức năng bảo đảm chiếu sáng đồng đều từ 150 lux đến 200 lux. Các đường dẫn điện, khí đốt, các ổ cắm điện, hệ thống xử lý nước thải đặc biệt là hóa chất... bảo đảm an toàn cho học sinh và môi trường khi làm thí nghiệm. Các phòng phải có nội quy sử dụng theo quy định.

Điều 10. Bàn ghế, bảng học

1. Bàn ghế phải đủ rộng, chắc chắn, các góc cạnh bàn, ghế phải tròn, nhẵn bảo đảm an toàn. Kích thước (chiều cao, bề rộng, chiều sâu) của bàn và ghế bảo đảm theo quy định hiện hành.

2. Bảng học cần được chống lóa. Kích thước, màu sắc, vị trí treo bảng theo quy định hiện hành.

Điều 11. Bếp ăn tập thể, nhà ăn trong nhà trường

1. Bếp ăn bảo đảm về vị trí, thiết kế bố trí và cấu trúc đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

2. Tất cả các dụng cụ nấu nướng, chế biến, sử dụng, bảo quản, chứa đựng phải bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

3. Nhà ăn bảo đảm sạch sẽ, thoáng mát. Mỗi bàn ăn phải có một sọt đựng rác. Có nơi rửa tay bằng xà phòng.

4. Được cơ sở y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 12. Nhà vệ sinh

1. Bảo đảm số lượng nhà tiêu, hố tiểu theo quy định. Bình quân từ 100 đến 200 học sinh trong một ca học có 1 hố tiêu (nam riêng, nữ riêng, giáo viên riêng, học sinh riêng).

2. Nhà tiêu, hố tiểu phải bảo đảm vệ sinh theo quy định. Có khu vực rửa tay bằng xà phòng.

Điều 13. Phòng y tế

1. Bảo đảm diện tích từ 12m^2 trở lên.

2. Được bố trí ở vị trí thuận lợi cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.

3. Bảo đảm vệ sinh khu vực xung quanh phòng y tế và trong phòng y tế. Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải theo quy định.

Điều 14. Trang thiết bị và thuốc

1. Có tủ thuốc được trang bị các loại thuốc thiết yếu; có sổ quản lý, kiểm tra và đối chiếu xuất, nhập thuốc theo quy định.

2. Có các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu phục vụ sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh; có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi.

3. Có bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc thông thường khác.

Mục 3
KINH PHÍ

Điều 15. Nguồn kinh phí

1. Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm của các cơ sở giáo dục theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí được để lại từ Quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của học sinh theo quy định hiện hành.

3. Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và từ nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 16. Nội dung chi

1. Bảo đảm chi cho các hoạt động chuyên môn, truyền thông giáo dục sức khỏe và các khoản chi khác theo quy định hiện hành.

2. Có sổ sách, báo cáo thu chi, sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, nội dung dự toán theo quy định hiện hành.

Mục 4
HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Điều 17. Nhà trường

1. Thành lập Ban sức khỏe tại trường học do đại diện Ban Giám hiệu là trưởng ban, phó ban là đại diện lãnh đạo ngành y tế địa phương, thường trực là cán bộ y tế trường học, các thành viên khác bao gồm giáo viên, Hội chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Có văn bản hoặc tổ chức các cuộc họp, hội nghị phổ biến, quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế trường học.

3. Có kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, đánh giá, xếp loại công tác y tế trong từng năm học.

4. Có báo cáo tình hình thực hiện công tác y tế trường học cho đơn vị quản lý cấp trên vào cuối năm học hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 18. Nhân viên làm công tác y tế

1. Nhân viên làm công tác y tế trường học có trình độ từ trung cấp y trở lên thuộc biên chế chính thức của nhà trường.

2. Tham gia vào các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn do ngành y tế, giáo dục và các ban ngành, cơ quan khác tổ chức hàng năm.

3. Tham mưu với Hiệu trưởng lập kế hoạch công tác y tế trường học cho từng năm học.

4. Được hưởng chế độ, chính sách, phụ cấp ưu đãi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. Công tác chữ thập đỏ

1. Có nội dung, kế hoạch tuyên truyền vận động học sinh nỗ lực học tập, gương mẫu tham gia thực hiện chính sách xã hội nhân đạo.

2. Xây dựng, phát triển đội thanh thiếu niên chữ thập đỏ trong trường học.

3. Tham gia các hoạt động nhân đạo, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng các công trình nhân đạo.

4. Được trang bị các phương tiện bảo đảm cho hoạt động chữ thập đỏ.

Chương III
TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Điều 20. Tổ chức kiểm tra, đánh giá

1. Thời gian kiểm tra, đánh giá từ tháng 3 đến hết tháng 5 hàng năm.

2. Các cấp quản lý giáo dục đối với từng cấp học chủ trì, phối hợp với cơ sở y tế và các đơn vị liên quan tại địa phương thành lập các đoàn liên ngành kiểm tra, đánh giá công tác y tế đối với các nhà trường trên địa bàn phụ trách mỗi năm một lần.

Điều 21. Đánh giá, xếp loại

1. Chấm điểm cho từng nội dung kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học dựa trên Phụ lục Bảng kiểm đánh giá công tác y tế trường học ban hành kèm theo Thông tư này. Sau đó tính tổng điểm quy ra phần trăm (%) và xếp thành 4 loại, cụ thể:

a) Loại tốt: đạt từ 90% tổng số điểm trở lên;

b) Loại khá: đạt từ 80% đến dưới 90% tổng số điểm;

c) Loại đạt: đạt từ 60% đến dưới 80% tổng số điểm;

d) Loại không đạt: đạt dưới 60% tổng số điểm.

2. Hạ một bậc xếp loại đối với các nhà trường không có phòng y tế hoặc cán bộ chuyên trách làm công tác y tế trường học.

3. Không kiểm tra, đánh giá các nội dung quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Thông tư này đối với các nhà trường không tổ chức ăn bán trú.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường

1. Chủ động tham mưu, đề xuất các nội dung công tác y tế trường học đối với các cấp có thẩm quyền.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài nhà trường tổ chức tự đánh giá công tác y tế trong từng năm học. Đưa kết quả vào báo cáo tổng kết năm học.

3. Bố trí, tạo điều kiện để các đoàn cấp trên kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại nhà trường được thuận lợi.

Điều 23. Trách nhiệm của các cơ sở quản lý giáo dục

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ sở quản lý, chuyên môn y tế xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các nhà trường trên địa bàn phụ trách.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ sở quản lý, chuyên môn y tế và các đơn vị liên quan tại địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại công tác y tế đối với các nhà trường trên địa bàn phụ trách.

3. Chủ động tham mưu, đề xuất các nội dung liên quan đến công tác y tế trường học đối với các cấp có thẩm quyền.

4. Tổng hợp và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý trực tiếp và cơ sở y tế ngang cấp vào cuối mỗi năm học.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ sở quản lý, chuyên môn y tế

1. Phối hợp với các cơ sở quản lý giáo dục xây dựng kế hoạch, chuẩn bị trang thiết bị, máy móc, dụng cụ kiểm tra, đánh giá các nội dung được quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục tại địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại công tác y tế đối với các nhà trường trên địa bàn.

3. Chủ động tham mưu, đề xuất các nội dung liên quan đến công tác y tế trường học đối với các cấp có thẩm quyền.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Công tác học sinh, sinh viên) và Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để liên Bộ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ Y TẾ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **THỨ TRƯỞNG**
Trịnh Quân Huấn	**Trần Quang Quý**

Đơn vị đánh giá, xếp loại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC NĂM HỌC....

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2011/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2011 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế)

Tên trường:..... Phường/xã:.....
Quận/huyện:.....Tỉnh/thành phố.....
Địa chỉ:.....
Tổng số học sinh:..... nam:..... nữ:.....
Tổng số lớp học:..... Tổng số giáo viên, cán bộ nhân viên:.....

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
	I. Quản lý, chăm sóc sức khỏe cho học sinh		
1	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và phân loại sức khỏe học sinh. Có sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe học sinh cho cả cấp học.	3	
2	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định hiện hành. Chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế trong những trường hợp cần thiết.	3	
3	Có cơ chế phối hợp với cơ sở y tế trong việc chăm sóc, điều trị đối với các học sinh mắc bệnh mãn tính.	1	
4	Có thông báo cho cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ của học sinh về tình hình sức khỏe học sinh. Có kế hoạch chăm sóc và điều trị cho học sinh có vấn đề sức khỏe.	1	
	II. Truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh		
5	Xây dựng nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe học sinh về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, bệnh tật học đường, tai nạn thương tích, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế, kỹ năng sống và hành vi lối sống có hại cho sức khỏe.	2	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
6	Tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trong buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp hoặc trong các hoạt động ngoài giờ học chính khóa cho học sinh.	2	
7	Có góc tuyên truyền, giáo dục, tư vấn sức khỏe cho học sinh tại phòng y tế nhà trường.	1	
8	Có bảng tin đăng tải các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh.	1	
9	Có tổ chức các hoạt động hưởng ứng các tháng hành động do ngành giáo dục, ngành y tế và các ban ngành địa phương phát động.	1	
	III. Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm		
10	Có kế hoạch triển khai các quy định về vệ sinh phòng chống bệnh truyền nhiễm và phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.	1	
11	Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm xảy ra trong trường học với các cấp có thẩm quyền theo quy định.	1	
12	Phối hợp với các cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch xảy ra.	1	
	IV. Đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn, thương tích		
13	Thực hiện các quy định về việc đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trong nhà trường.	1	
14	Không có học sinh bị thương tích nặng phải nằm viện do tai nạn, thương tích xảy ra trong nhà trường.	1	
15	Báo cáo tình hình tai nạn thương tích của học sinh theo quy định.	1	
	V. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng		
16	Có kế hoạch đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng cho học sinh.	1	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
17	Nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể phải được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và có giấy chứng nhận đã tham gia.	1	
18	Nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể, nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ, theo dõi người lành mang trùng và được trang bị bảo hộ lao động làm việc theo quy định.	1	
19	Hàng hóa, thực phẩm mua về phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm, lưu mẫu theo quy định.	2	
20	Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong nhà trường.	1	
	VI. Vệ sinh môi trường học tập		
21	Ở xa những nơi phát sinh ra khí độc hại, khói, bụi, tiếng ồn. Xa các bến xe, bến tàu, kho xăng dầu, bãi rác, chợ, các trục đường giao thông lớn, chân đồi núi, ven sông, suối, ghềnh hiểm trở có nguy cơ sụt, lở.	1	
22	Đảm bảo có sân chơi, sân tập và cây xanh. Diện tích để trồng cây xanh đảm bảo từ 20% đến 40%; Diện tích để làm sân chơi, sân tập từ 40% đến 50% so với tổng diện tích của nhà trường.	1	
23	Có các dụng cụ thu gom và xử lý rác theo quy định. Có thùng rác hoặc nơi chứa rác tập trung được che chắn. Mỗi phòng học, phòng làm việc phải được làm vệ sinh trước giờ học và có sọt chứa rác.	1	
24	Hệ thống cống, rãnh kín để dẫn thoát nước mưa, nước thải, không rò rỉ, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.	1	
25	Đảm bảo đủ số lượng, chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho học sinh, giáo viên trong nhà trường.	1	
26	Giáo viên, cán bộ, công nhân viên, học sinh không hút thuốc trong khuôn viên nhà trường.	1	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
	VII. Phòng học		
27	Đảm bảo thông gió tự nhiên, mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Phòng học có hệ thống thông gió nhân tạo như quạt trần, quạt thông gió treo cao trên mức nguồn sáng.	1	
28	Được chiếu sáng tự nhiên đầy đủ, đảm bảo độ chiếu sáng đồng đều không dưới 100 lux. Riêng phòng học có học sinh khiếm thị thì độ chiếu sáng không dưới 300 lux.	1	
29	Phòng học phải đảm bảo yên tĩnh. Tiếng ồn trong phòng không được quá 50 đêxiben (dB).	1	
30	Phòng thiết bị, phòng học bộ môn và các phòng chức năng đảm bảo chiếu sáng đồng đều từ 150 lux đến 200 lux. Các đường dẫn điện, khí đốt, các ổ cắm điện, hệ thống xử lý nước thải đặc biệt là hóa chất... đảm bảo an toàn cho học sinh và môi trường khi làm thí nghiệm. Các phòng phải có nội quy sử dụng theo quy định.	1	
	VIII. Bàn ghế, bảng học		
31	Bàn, ghế phải đủ rộng, chắc chắn, các góc cạnh bàn, ghế phải tròn, nhẵn đảm bảo an toàn. Kích thước (chiều cao, bề rộng, chiều sâu) của bàn và ghế đảm bảo theo quy định hiện hành.	1	
32	Bảng học cần được chống lóa. Kích thước, màu sắc, vị trí treo bảng theo quy định hiện hành.	1	
	IX. Bếp ăn tập thể, nhà ăn trong nhà trường		
33	Bếp ăn đảm bảo về vị trí, thiết kế bố trí và cấu trúc đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.	1	
34	Tất cả các dụng cụ nấu nướng, chế biến, sử dụng, bảo quản, chứa đựng phải đảm bảo tiêu chuẩn quy định.	1	
35	Nhà ăn đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát. Mỗi bàn ăn phải có một sọt đựng rác. Có nơi rửa tay bằng xà phòng.	1	
36	Được cơ sở y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	1	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
	X. Nhà vệ sinh		
37	Đảm bảo số lượng nhà tiêu, hố tiểu theo quy định. Bình quân từ 100 đến 200 học sinh trong một ca học có 1 hố tiêu (nam riêng, nữ riêng, giáo viên riêng, học sinh riêng)	1	
38	Nhà tiêu, hố tiểu phải đảm bảo vệ sinh theo quy định. Có khu vực rửa tay bằng xà phòng.	1	
	XI. Phòng y tế		
39	Đảm bảo diện tích từ 12m^2 trở lên.	1	
40	Được bố trí ở vị trí thuận lợi cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.	1	
41	Đảm bảo vệ sinh khu vực xung quanh phòng y tế và trong phòng y tế. Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải theo quy định.	1	
	XII. Trang thiết bị và thuốc		
42	Có tủ thuốc được trang bị các loại thuốc thiết yếu; có sổ quản lý, kiểm tra và đối chiếu xuất, nhập thuốc theo quy định.	1	
43	Có các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu phục vụ sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh; có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi.	1	
44	Có bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc thông thường khác.	1	
	XIII. Nguồn kinh phí		
45	Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm của các cơ sở giáo dục theo phân cấp ngân sách hiện hành.	2	
46	Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí được để lại từ Quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của học sinh theo quy định hiện hành.	1	
47	Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và từ nguồn thu hợp pháp khác.	1	
	XIV. Nội dung chi		
48	Đảm bảo chi cho các hoạt động chuyên môn, truyền thông giáo dục sức khỏe và các khoản chi khác theo quy định hiện hành.	1	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
49	Có sổ sách, báo cáo thu chi, sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, nội dung dự toán theo quy định.	1	
	XV. Nhà trường		
50	Thành lập Ban sức khỏe tại trường học do đại diện Ban Giám hiệu là trưởng ban, phó ban là đại diện lãnh đạo ngành y tế địa phương, thường trực là cán bộ y tế trường học, các thành viên khác bao gồm giáo viên, Hội chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.	1	
51	Có văn bản hoặc tổ chức các cuộc họp, hội nghị phổ biến, quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế trường học.	1	
52	Có kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, đánh giá, xếp loại công tác y tế trong từng năm học.	1	
53	Có báo cáo tình hình thực hiện công tác y tế trường học cho đơn vị quản lý cấp trên vào cuối năm học hoặc đột xuất khi có yêu cầu.	1	
	XVI. Nhân viên làm công tác y tế		
54	Nhân viên làm công tác y tế trường học có trình độ từ trung cấp y trở lên thuộc biên chế chính thức của nhà trường.	2	
55	Tham gia vào các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn do ngành y tế, giáo dục và các ban ngành, cơ quan khác tổ chức hàng năm.	1	
56	Tham mưu với Hiệu trưởng lập kế hoạch công tác y tế trường học cho từng năm học.	1	
57	Được hưởng chế độ, chính sách, phụ cấp ưu đãi theo quy định hiện hành của Nhà nước.	1	
	XVII. Công tác chữ thập đỏ		
58	Có nội dung, kế hoạch tuyên truyền vận động học sinh nỗ lực học tập, gương mẫu tham gia thực hiện chính sách xã hội nhân đạo.	1	

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm
59	Xây dựng, phát triển đội thanh thiếu niên chữ thập đỏ trong trường học.	1	
60	Tham gia các hoạt động nhân đạo, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng các công trình nhân đạo.	1	
61	Được trang bị các phương tiện đảm bảo cho hoạt động chữ thập đỏ.	1	

Tổng số điểm:...../70 điểm = ...%

Xếp loại:

☐ Loại tốt (từ 90% trở lên)

☐ Loại khá (từ 80% đến dưới 90%)

☐ Loại đạt (từ 60% đến dưới 80%)

☐ Loại không đạt (dưới 60%)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện nhà trường
(Ký tên và đóng dấu)

Đơn vị đánh giá, xếp loại